



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC
SẠCH BẮC GIANG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hương Xuân Công
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Năm 2016 thực sự là một thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại còn ngổn ngang trong khi diễn biến quốc tế xảy ra bất thường, khó đoán; Theo như ủy ban tài chính giám sát quốc gia, bất chấp khó khăn và thách thức, Việt Nam tiếp tục đảm bảo và duy trì cân đối vĩ mô, lạm phát cơ bản chỉ ở mức 1.8%, lạm phát chung chỉ ở mức 4%. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 đã được hỗ trợ tích cực từ hệ thống tài chính, với tổng nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế tăng 15.7% so với năm 2015 tương đương 170% GDP.

Theo Văn phòng Thống kê Trung ương, trong năm 2016 tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm đạt 6.2%, giảm 0.5% so với năm 2015. Đây là lần đầu tiên trong 4 năm, Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm kinh tế; tuy vậy, vẫn có những điểm sáng trong năm 2016.

Với kết quả ước năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt

Nam dự kiến đạt 349.2 tỷ USD, tăng 6.6% so với năm 2015. Trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu 12 tháng của năm 2016 ước đạt 175.94 tỷ USD, tăng 8.6%, và tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 173.26 tỷ USD, tăng 4.6%. Tính chung cả năm 2016, Việt Nam dự kiến xuất siêu 2.68 tỷ USD, ngược lại với xu hướng nhập siêu lên tới 3.55 tỷ USD của năm 2015.

Môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong năm nay. Theo Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy, xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam 2016 tăng tới 9 bậc, xếp thứ 82/189 quốc gia được xếp hạng. Trong đó, Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư thiếu số tăng tới 31 bậc; Chỉ số nộp thuế của Việt Nam đã tăng 5 bậc, từ vị trí 173/189 lên vị trí 168/189.

Đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế trong năm 2016, toàn thể ban điều hành Công ty đã có những kế hoạch kịp thời và linh động để tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

vẫn phát triển theo như kế hoạch dài hạn đã đề ra. Trong năm 2016, chỉ số doanh thu và lợi nhuận vẫn có được sự tăng trưởng so với năm 2015, cụ thể doanh thu 2016 tăng 19.75% và lợi nhuận sau thuế tăng mạnh, vượt 57.77% so với năm 2015. Hơn thế nữa, ngay từ đầu năm, ban lãnh đạo đã dự đoán được trước sự khó khăn và diễn biến phức tạp của nền kinh tế năm 2016 nên đã chủ động đưa ra kế hoạch doanh thu hợp lý. Cụ thể, doanh thu trong năm 2016 đã vượt kế hoạch 11.76%, đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2016 vượt kế hoạch gần 18.88%.

Công tác thị trường luôn được công ty chú trọng và phát huy có hiệu quả, nhân viên có tinh thần phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo, giải quyết những khiếu nại của khách hàng ngay tại các tổ quản lý, phát hiện sự cố và giải quyết kịp thời, đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng. Mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước Bắc Giang tại các Khu vực trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận như: thôn Đồng Quan - Đồng Sau xã Đồng Sơn; thôn Giếng, thôn Mỹ Cầu, thôn Tự, thôn Lò xã Tân Mỹ, thôn Song Khê xã Song Khê...

Lực lượng lao động cơ bản ổn định, tư tưởng của người lao động luôn yên tâm công tác, ý thức chấp hành nội quy, quy chế của người lao động luôn được duy trì và thực hiện đạt hiệu quả tốt.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, công tác tham mưu đôi lúc vẫn chưa linh hoạt và hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình mới. và sự kết hợp hoạt động giữa các phòng ban trong quá trình tổ chức sản xuất đôi lúc chưa được tốt, thiếu thống nhất.

Tình hình kinh tế Việt Nam gần đây đang có dấu hiệu chững lại tuy nhiên đã có những dấu hiệu của phát triển bền vững, bằng chứng là các chỉ số GDP không có biến động và chỉ số lạm phát đang giảm dần kể từ năm 2011 đến nay. Những biến động vĩ mô nêu trên có tác động rất mạnh đến các doanh nghiệp.

Năm 2017 hứa hẹn tình hình kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn, lĩnh vực kinh doanh của công ty chịu sức ép cạnh tranh ngày càng mạnh, phần nào ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của công ty.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HƯƠNG XUÂN CÔNG



MỤC LỤC

TỔNG QUAN CÔNG TY	7
Thông tin chung	8
Cột mốc lịch sử	9
Cơ cấu bộ máy quản lý	10
Mô hình quản trị	11
Ngành nghề kinh doanh	12
Địa bàn kinh doanh	12
Định hướng phát triển	13
Rủi ro	14
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	17
Tình hình hoạt động kinh doanh	18
Danh sách ban lãnh đạo	20
Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên	22
Tình hình tài chính	24
Tình hình dự án đầu tư, thực hiện dự án	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	27
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	29
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tình hình tài chính	32
Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý	34
Kế hoạch phát triển trong tương lai	35
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty	38
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về ban Giám đốc công ty	39
Kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị	39
QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Hội Đồng Quản Trị	40
Ban Kiểm Soát	41
Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát	43
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	44
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	53



TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung

Cột mốc lịch sử

Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch: Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang
Tên giao dịch tiếng anh: BAC GIANG CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt tiếng anh: BACGIANGWSC

Logo:



Giấy đăng kí kinh doanh: Đăng ký doanh nghiệp số 2400126106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/06/2005, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 20/11/2015
Vốn điều lệ: 181,494,460,000 đồng
Địa chỉ: Số 386, đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại: (0240) 3855757
Số Fax: (0240) 3554717
Website: <http://bacgiangwsc.com.vn/>



CỘT MỐC LỊCH SỬ

10/1976

- Thành lập Đội Xây dựng công trình 76 thuộc Công ty Xây dựng tỉnh Hà Bắc

1978

- Thành lập Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc trên cơ sở tách hoạt động độc lập của Đội Xây dựng công trình 76

1993

- Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc được chuyển đổi thành Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc

1997

- Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang thành lập trên cơ sở chia tách theo tỉnh

6/2005

- Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang

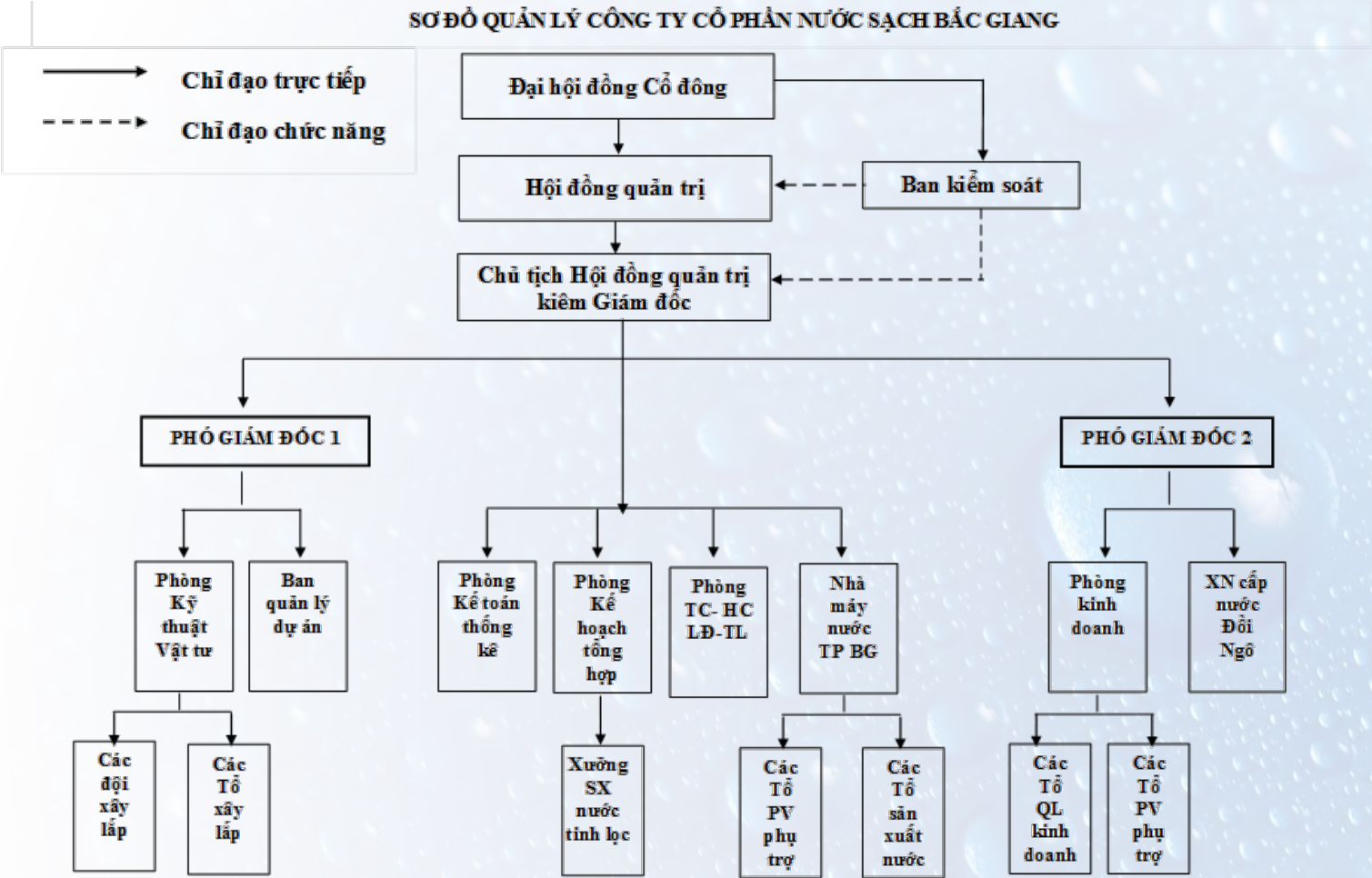
3/2014

- Thành lập thêm Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam

7/2015

- Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Quản trị của Công ty và Ban kiểm soát Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định.

Ban kiểm soát: Thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

Trình ĐHCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;

Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

Giám đốc điều hành: Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- ♦ Xây dựng các công trình cấp thoát nước, đường dây và trạm biến áp, công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng công trình giao thông, san lấp mặt bằng và các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- ♦ Tư vấn lập dự án, thiết kế, thẩm định và giám sát thi công công trình cấp thoát nước;
- ♦ Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.

Địa bàn kinh doanh: tỉnh Bắc Giang



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển

Công ty phấn đấu là doanh nghiệp luôn tăng trưởng và phát triển, tiến tới sẽ nhận quản lý thêm một số cơ sở cấp nước tại các đô thị trong toàn tỉnh. Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cả về tài chính và kinh tế xã hội, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với sự phát triển cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa. Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.

Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước trên nền tảng công nghệ SCADA và GIS, có lộ trình thực hiện cụ thể:

- ♦ **Giai đoạn 2015-2016:** Xây dựng hệ thống SCADA giám sát thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu theo thời gian thực tại hệ thống cấp nước thành phố Bắc Giang bằng việc lắp đặt các đồng hồ điện tử, xây dựng phần mềm quản lý, theo dõi các thông số lưu lượng và áp lực tại các điểm cấp nước phân vùng, tách mạng của hệ thống mạng lưới cấp nước; Nghiên cứu kết nối tích hợp thiết bị có tính năng đọc, lưu trữ và truyền số liệu tự động qua công nghệ truyền thông trên hệ thống đồng hồ cơ đầu nguồn đầu tuyến hiện có.
- ♦ **Giai đoạn 2016-2020:** Sau khi thành công SCADA giám sát hệ thống cấp nước Thành phố Bắc Giang, tiến hành đánh giá rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng ứng dụng đến toàn bộ hệ thống mà Công ty quản lý.
- ♦ **Giai đoạn 2020-2025:** Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cấp nước trong toàn Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

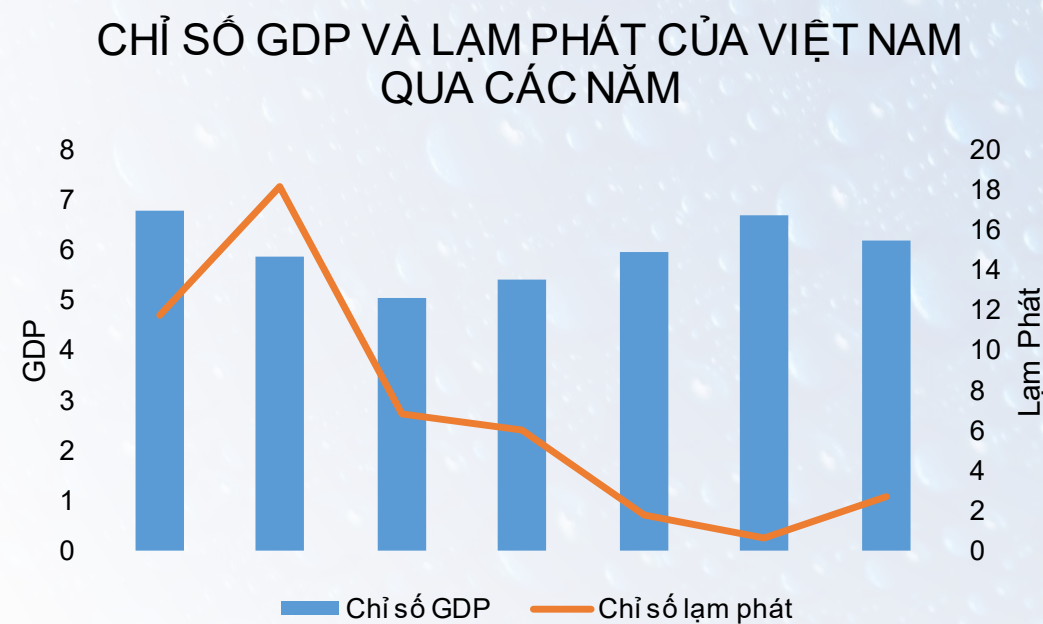
Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21% và có giảm nhẹ so với năm 2015. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng nước sạch của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng nước là thiết yếu nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển, vấn đề về nước sạch ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước sẽ tạo cơ hội cho Công ty phát triển và lớn mạnh.

Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0.63, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2.66, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015.



Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành nước nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Công ty hiện tại đang chịu rủi ro khi hoạt động dưới sự điều chỉnh và chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam do có hệ thống chưa nhất quán, chặt chẽ và có sự chồng chéo. Hơn thế nữa, là một công ty vừa chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Ban lãnh đạo của Công ty cũng như Cán bộ công nhân viên chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa nhiều. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.

Rủi ro về mạng lưới phân phối nước

Đối với một doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước sạch thì rủi ro thất thoát nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty. Rủi ro lớn nhất là rò rỉ, hư hỏng đường ống dẫn làm thất thoát nước ảnh hưởng đến nguồn nước của khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Với mạng lưới phân bố rộng khắp gây nhiều khó khăn trong công tác kiểm soát. Bên cạnh đó một bộ phận người dân thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận chỉ số khi sử dụng nước gây thất thoát trầm trọng.

Định kỳ, các bộ phận chuyên trách tại Công ty lại tiến hành kiểm tra và rà soát hệ thống cung cấp nước nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới phân phối nước này. Có kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa, nâng cấp đường ống, xây hàng rào và nhà bảo vệ cho các trạm bơm, trạm tăng áp. Tăng cường kiểm tra giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có dấu hiệu gian lận để tránh thất thoát.

Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó, chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư. Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động kinh doanh

Danh sách ban lãnh đạo

Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên

Tình hình tài chính

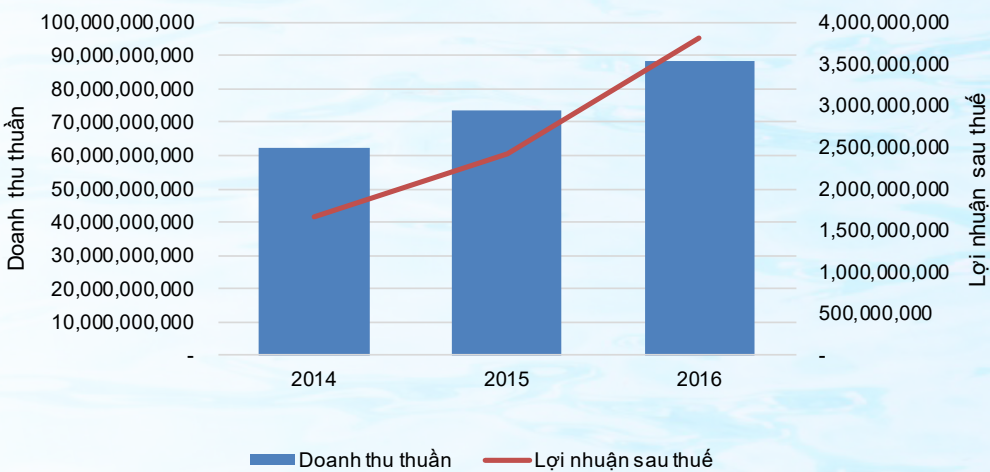
Tình hình dự án đầu tư, thực hiện dự án

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	TH 2016/ TH2015
Doanh thu thuần	73,732,888,024	88,291,910,554	119.75%
Giá vốn hàng bán	48,116,877,300	50,415,766,696	104.78%
Lợi nhuận gộp	25,616,010,724	37,876,143,858	147.86%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,991,601,415	4,102,005,835	205.97%
Chi phí hoạt động tài chính	-	82,186,718	-
Chi phí bán hàng	13,428,442,731	24,781,367,020	184.54%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,527,989,994	12,782,574,611	110.88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,651,179,414	4,332,021,344	163.40%
Lợi nhuận khác	440,195,347	424,410,399	96.41%
Lợi nhuận trước thuế	3,091,374,761	4,756,431,743	153.86%
Lợi nhuận sau thuế	2,411,272,314	3,804,212,947	157.77%

DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Đánh giá chung:

Năm 2016, một năm mà tập thể lãnh đạo HĐQT, BGĐ, toàn thể CBCNV công ty đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục hoàn thiện.

Doanh thu và lợi nhuận

- ♦ Doanh thu thuần vẫn tăng trưởng so với năm 2015, cụ thể tăng 19.75%. Hơn thế nữa, Doanh thu năm 2016 vượt kế hoạch 11.76%.
- ♦ Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng mạnh 57.77% so với năm 2015 do chỉ tiêu Giá vốn hàng bán tăng ít hơn so với tốc độ tăng của Doanh thu. Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm 2016 là 18.88%

Chi phí:

- ♦ Chi phí bán hàng tăng mạnh, cụ thể tăng 85% do công ty chú trọng phát triển mở rộng quy mô kinh doanh trong năm 2016 và bước đầu đã có kết quả rõ rệt. Số tăng chủ yếu đến từ chi phí nhân viên và chi phí khấu hao tài sản cố định.

Công tác sản xuất nước:

Tổng lượng nước thô sản xuất trong năm 2016: 12,765,289 m3

Nhà máy nước Bắc Giang:

- ♦ Trong năm 2016, nhà máy nước Bắc Giang sản xuất được 12,479,014 m3 đạt 103.6% kế hoạch năm 2016 và tăng 1,422,013 m3 so với năm 2015, cụ thể tăng 12.9% so với năm 2015
- ♦ Tỷ lệ thất thoát công nghệ trong năm 2016 là 1.91% giảm 0.23% so với năm 2015.

Nhà máy nước Đồi Ngô

- ♦ Trong năm 2016, nhà máy nước Đồi Ngô sản xuất được 287,275 m3 đạt 114.9% kế hoạch năm 2016 và tăng 66,845 m3 so với năm 2015, cụ thể tăng 30.3% so với năm 2015
- ♦ Tỷ lệ thất thoát công nghệ trong năm 2016 là 8.35% tăng 1.87% so với năm 2015.

Công tác kinh doanh nước sạch

Khu vực thành phố Bắc Giang:

- ♦ Nước thương phẩm: 10,207,672 m3 đạt 103.8% kế hoạch năm 2016 và tăng 1,183,508 m3 so với năm 2015, cụ thể tăng 13.1% so với năm 2015
- ♦ Doanh thu đạt 86.038 tỷ đồng đạt 107.5% kế hoạch năm 2016 và tăng 12.578 tỷ đồng so với năm 2015, cụ thể tăng 17.1% so với năm 2015
- ♦ Tỷ lệ thất thoát trong năm 2016 là 18.19% tăng so với kế hoạch năm 2016 0.19% và giảm 0.19% so với năm 2015. Trong đó, tỷ lệ thất thoát mạng là 16.28%, giảm 0.04% so với năm 2015 và tổng số đầu nối là 37,456/37,998 khách hàng quản lý, tăng 2,426 đầu nối so với năm 2015

Khu vực Lục Nam

- ♦ Nước thương phẩm: 236,122 m3 đạt 118.1% kế hoạch năm 2016 và tăng 57,374 m3 so với năm 2015, cụ thể tăng 32.1% so với năm 2015
- ♦ Doanh thu đạt 1.639 tỷ đồng đạt 109.3% kế hoạch năm 2016 và tăng 417.4 triệu đồng so với năm 2015, cụ thể tăng 34.2% so với năm 2015
- ♦ Tỷ lệ thất thoát trong năm 2016 là 17.81% giảm so với kế hoạch năm 2016 1.19% và giảm 0.09% so với năm 2015. Trong đó, tỷ lệ thất thoát mạng là 9.6%, giảm 3.54% so với năm 2015 và tổng số đầu nối là 1,614/1,721 khách hàng quản lý, tăng 116 đầu nối so với năm 2015

Công tác thi công xây lắp

- ♦ Hoàn thành việc thi công thay thế và lắp đặt tuyến ống mới. Tổng số 48 tuyến ống, trong đó: Tuyến ống PVC D 300 từ cầu đường sắt thành phố Bắc Giang đến Khu công nghiệp Song Khê; Tuyến ống cấp nước bổ sung Khu công nghiệp Vân Trung....
- ♦ Lắp đặt: 2.426 đồng hồ mới.
- ♦ Giá trị nhân công chi trả là: 2,991 tỷ đồng
- ♦ Công tác phân phối tiền lương trong tổ đã được thực hiện nghiêm chỉnh, không có trường hợp nào khát lương, trả chậm lương.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO



Ông Hương Xuân Công
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
kiêm Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 28/03/1969
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng
Quá trình công tác:
♦ Từ 08/1993 - 12/1996: Nhân viên P. KT - VT Công ty cấp thoát nước Hà Bắc
♦ Từ 01/1997 - 05/2005: Trưởng phòng KT - VT Công ty cấp thoát nước Hà Bắc
♦ Từ 05/2005 - 10/2011: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 10/2011 - 11/2015: Chủ tịch - Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 11/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP nước sạch Bắc Giang
Chức vụ tại công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15,635,246 cổ phiếu chiếm 86,15% vốn Điều lệ
♦ Đại diện sở hữu: 15,583,146 cổ phần, chiếm 85.86% vốn điều lệ
♦ Cá nhân sở hữu: 52,100 cổ phần, chiếm 0.29% vốn điều lệ



Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 16/04/1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
♦ Từ 1999 - 2000: Công tác tại Công ty TNHH Phú Thái - Hà Nội
♦ Từ 2001 - nay: Công tác tại phòng Kế toán - Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ
♦ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
♦ Cá nhân sở hữu: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ



Ông Phạm Hùng
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Phó Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 18/04/1967
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
♦ Từ 7/1988 - 11/1991: Nhân viên Đài Truyền thanh TX Bắc Giang, sau là Phòng Văn hóa TX Bắc Giang
♦ Từ 12/1991 - 8/1994: Nhân viên Đội Điện nước, Cty Quản lý Công trình Đô thị TX Bắc Giang
♦ Từ 9/1994 - 12/1996: Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc
♦ Từ 1/1997 - 12/1998: Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 1/1999 - 7/2000: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 8/2000 - 3/2003: Nhân viên phòng Kinh doanh, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 4/2003 - 12/2006: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kế toán - Thống kê, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 7/2006 - 11/2012: Trưởng phòng Kế toán - Thống kê, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 12/2012 - 10/2015: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang
♦ Từ 11/2015 - nay: TVHĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ
♦ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
♦ Cá nhân sở hữu: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

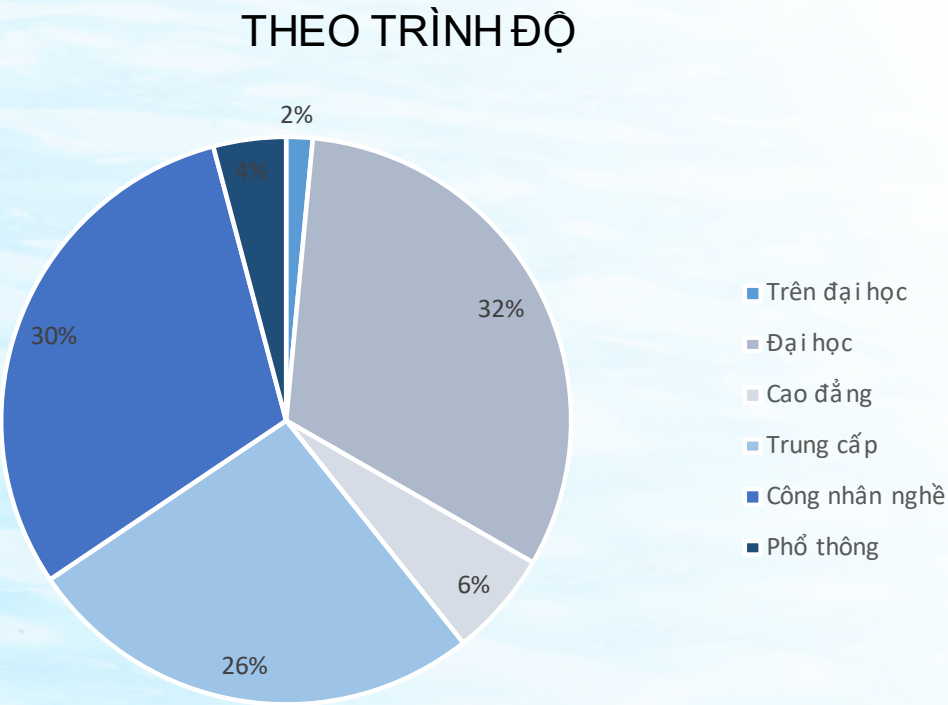


Ông Trần Đăng Điều
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Phó Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/5/1972
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, thạc sĩ Quản lý kinh tế
Quá trình công tác:
♦ Từ 11/1995 - nay: Công ty cấp thoát nước Hà Bắc nay là Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ
♦ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
♦ Cá nhân sở hữu: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

NGUỒN NHÂN LỰC

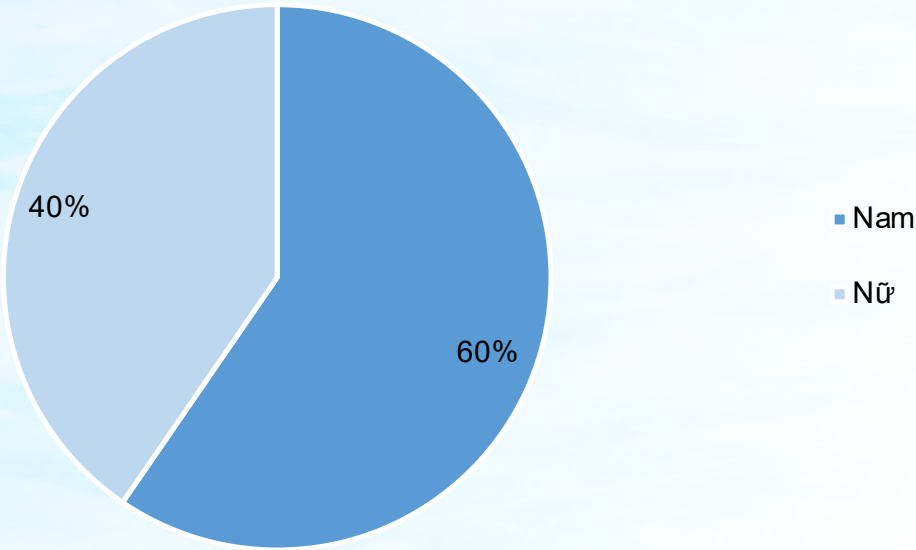
STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
	Nam	159	59.55%
	Nữ	108	40.45%
2	Theo trình độ:		
	Trên đại học	4	1.50%
	Đại học	85	31.84%
	Cao đẳng	16	5.99%
	Trung cấp	70	26.22%
	Công nhân nghề	81	30.34%
	Phổ thông	11	4.12%
Tổng cộng		267	



Xây dựng “Quy chế quản lý nội bộ”: Đảm bảo các chế độ, chính sách đối với người lao động được cụ thể hóa bằng văn bản thể hiện những cam kết giữa người sử dụng lao động và người lao động. Kết quả trong năm 2016:

- ♦ Tiền công, tiền lương được chi trả kịp thời, đúng quy định.
- ♦ Thu nhập BQ đạt: 08 triệu đồng tăng 17% so với năm 2015.
- ♦ Công tác BHLĐ trang bị đầy đủ.
- ♦ Trong năm đã xét duyệt 58 trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương vào năm 2017, trong đó 27 trường hợp nâng lương và 31 trường hợp đi thi nâng bậc.
- ♦ Công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho CBCNV: 09 trường hợp bồi dưỡng về công tác dịch vụ khách hàng.

THEO GIỚI TÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	190,468,483,930	204,060,783,767	7.14%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73,732,888,024	88,291,910,554	19.75%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,651,179,414	4,332,021,344	63.40%
Lợi nhuận khác	440,195,347	424,410,399	-3.59%
Lợi nhuận trước thuế	3,091,374,761	4,756,431,743	53.86%
Lợi nhuận sau thuế	2,411,272,314	3,804,212,947	57.77%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	52	147	182.69%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% thay đổi
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	15.28	6.89	45.08%
	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	14.44	6.51	45.06%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	4.00%	9.72%	243.01%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4.17%	10.77%	258.20%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	7.89	8.36	106.01%
	Vòng quay tổng tài sản (lần)	0.39	0.43	110.94%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.59%	4.91%	136.67%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	1.32%	2.07%	157.02%
	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	133	210	157.60%

Khả năng thanh toán:

- Trong năm 2016, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn với 6.89 lần và Chỉ số thanh toán nhanh 6.51 lần giảm mạnh so với năm 2015 do chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn giảm nhẹ trong khi đó Nợ ngắn hạn tăng mạnh

Về cơ cấu vốn:

- Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng do Tổng tài sản trong năm 2016 của Công ty tăng ít hơn tốc độ tăng của Nợ phải trả. Cụ thể, Tổng tài sản tăng 7.14% còn nợ phải trả tăng 160.44% so với năm 2015.
- Cũng tương tự, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng mạnh do tốc độ tăng của Vốn chủ sở hữu ít hơn của Nợ phải trả trong năm 2016

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho có tăng nhẹ do hàng tồn kho năm 2016 đã giảm và giá vốn hàng bán cũng tăng so với năm 2015
- Chính vì vậy khiến cho chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng nhẹ do Doanh thu thuần tăng tỷ lệ thuận với giá vốn hàng bán.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Các chỉ tiêu đều tăng do tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận của công ty trong năm 2016 đều tăng trên 50% so với năm 2015



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án nâng công suất nhà máy nước: Thực hiện xong công tác kiểm toán dự án và thanh kiểm tra của các Sở ban ngành . Giá trị quyết toán cả thuế là: **32,541,543,000 đ.**

Dự án nhà máy nước số 2: Thực hiện công tác TKBVTC theo đúng kế hoạch. Hiện nay dừng triển khai theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

Năm 2016 giá trị đầu tư thực hiện là: 21,487 tỷ đồng. Các hạng mục công trình được thực hiện theo đúng kế hoạch, ngoài ra còn thi công thêm một số tuyến ống.

- ♦ Xây dựng các tuyến ống phân phối; Đầu tư cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Song Khê; Đồng Sơn; Tân Mỹ... Đầu tư thay thế các tuyến ống cấp nước thép tráng kẽm bằng ống HDPE; Lắp đặt bồn sung phát triển khách hàng; Thay thế đồng hồ : Kinh phí 16,355 tỷ đồng
- ♦ Mở rộng Trạm bơm cấp nước Tân An: Tổng mức đầu tư 1,911 tỷ đồng
- ♦ Xây dựng, sửa chữa nhà cửa: Kinh phí 848 triệu đồng
- ♦ Đầu tư mua sắm trang thiết bị: Giá trị 2,373 tỷ đồng



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

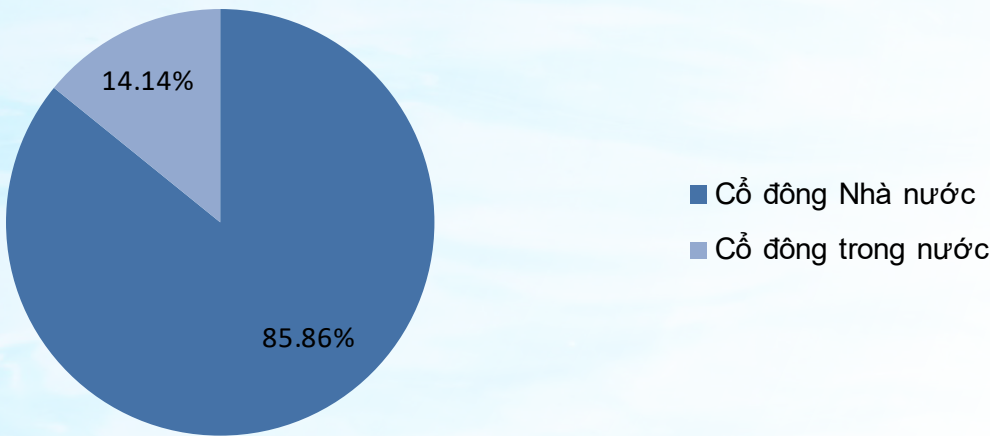
Thông tin cổ phiếu:

Chỉ tiêu	Số liệu
Vốn điều lệ của Công ty	181,494,460,000
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	18,149,446
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	18,149,446
Cổ phiếu quỹ	0
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10,000

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	1	15,583,146	85.86%
Cổ đông trong nước	275	2,566,300	14.14%
Cá nhân	275	2,566,300	14.14%
Tổ chức	0	0	0
Cổ đông nước ngoài	0	0	0
Tổng	276	18,149,446	100.00%

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
UBND tỉnh Bắc Giang	Đường Hùng Vương, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	15,583,146	85.86%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Công ty không có đợt tăng vốn trong năm 2016.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016	TH 2016/TH2015
Doanh thu thuần	73,732,888,024	79,000,000,000	88,291,910,554	111.76%	119.75%
Lợi nhuận sau thuế	2,411,272,314	3,200,000,000	3,804,212,947	118.88%	157.77%

Công tác sản xuất nước:

- ♦ Các quy trình, quy phạm trong khâu sản xuất được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc chặt chẽ có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên nên trong năm mặc dù nhu cầu dùng nước của khách hàng tăng đột biến (đặc biệt các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI tại Khu CN Song Khê) nhưng Công ty vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ lưu lượng, chất lượng nước sạch luôn đảm bảo theo quy chuẩn 01, 02 của Bộ y tế.
- ♦ Thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị nghiêm túc, các sự cố luôn được khắc phục kịp thời nhanh chóng, đảm bảo hệ thống cấp nước hoạt động an toàn và hiệu quả cao nhất.
- ♦ Các ca sản xuất của Nhà máy nước Bắc Giang và Xí nghiệp nước Đồi Ngô Lục Nam hoạt động theo đúng quy trình vận hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch được đặt ra từ đầu năm.
- ♦ Công tác ATLĐ; công tác an ninh trật tự, công tác vệ sinh công nghiệp ... được duy trì và thực hiện nghiêm túc. Trong năm không có trường hợp nào để xảy ra mất an toàn lao động cũng như an ninh trật tự, duy trì nhà máy xanh sạch đẹp.

Công tác kinh doanh nước sạch

- ♦ Mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước Bắc Giang tại các Khu vực trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận như: thôn Đồng Quan + Đồng Sau xã Đồng Sơn; thôn Giếng, thôn Mỹ Cầu, thôn Tự, thôn Lò xã Tân Mỹ, thôn Song Khê xã Song Khê...
- ♦ Phát hiện sự cố và giải quyết kịp thời, đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng.
- ♦ Công tác chống thất thoát: Thay thế, cải tạo các tuyến ống thép đã bị hư hỏng tại các phường, xã.
- ♦ Có tinh thần phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo, giải quyết những khiếu nại của khách hàng ngay tại các tổ quản lý, vì vậy trong năm không có đơn thư khiếu nại lên Công ty, cũng như các cấp có thẩm quyền.
- ♦ Tăng cường công tác quản lý đồng hồ, van mạng, chú trọng công tác đọc số và vào sổ, thu tiền hàng tháng nộp vào ngân hàng và quỹ đúng quy định.
- ♦ Phối hợp kết hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương nhằm tháo gỡ và xử lý những vụ việc liên quan đến xâm hại Hệ thống cấp nước của đơn vị.

Công tác thi công xây lắp

- ♦ Thực hiện nhiệm vụ công ty giao như: Sửa chữa, thay thế đường ống dịch vụ và phân phối; phát triển mạng lưới cấp nước (ở quy mô nhỏ), thi công đảm bảo kỹ thuật góp phần vào công tác giảm thất thoát của Công ty.

Công tác tiền lương và chế độ chính sách

Ngay từ đầu năm, Đảng bộ cùng Ban giám đốc Công ty đã xây dựng mục tiêu lãnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết mà Hội nghị người lao động đề ra:

- ♦ Đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập tăng so với năm 2015.
- ♦ Các chế độ chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện mọi chế độ đối với người lao động: Chế độ làm việc, ốm đau; thai sản, dưỡng sức, khám sức khỏe hàng năm....

Công tác an sinh xã hội:

- ♦ CBCNV Công ty luôn luôn hưởng ứng vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện mang tính xã hội như: Ủng hộ tết vì người nghèo; Quỹ bảo trợ người tàn tật; Quỹ nhân đạo; Quỹ bảo trợ trẻ em; Quỹ đền ơn.....Tổng số tiền ủng hộ tính đến hết tháng 12/2016 là: 209 triệu đồng

Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, cán bộ, công nhân công ty cần tiếp tục phấn đấu khắc phục một số tồn tại và hạn chế. Cụ thể:

- ♦ Ban lãnh đạo Công ty chưa tập trung cao vào chỉ đạo một số công việc khó như: Xây dựng kế hoạch, đề xuất giải pháp cấp nước an toàn khi mà nguồn nước thô sông Thương có nguy cơ ô nhiễm, công tác cấp bìa đồ đất tại Trạm bơm Đình Trám, phát triển khách hàng ở Xí nghiệp nước Đồi Ngô....
- ♦ Phụ trách một số phòng ban chưa tập trung cao với công việc của của bộ phận mình, chưa cương quyết với nhân viên dẫn đến công việc chưa đạt hiệu quả cao. Chưa xây dựng được kế hoạch hàng tháng, quý, năm để nâng cao hiệu quả công việc cũng như phát huy năng lực của nhân viên.
- ♦ Một số cán bộ công nhân viên chưa nhận thức được khuyết điểm cũng như yếu kém của bản thân để có ý thức khắc phục.
- ♦ Lực lượng CBCNV quá nhiều dẫn đến năng suất lao động thấp trong khi đó lực lượng CBCNV có trình độ chuyên môn cao đáp ứng cho công việc thì không nhiều. Hiện nay số nhân viên của công ty tính trên 1,000 đầu nổi là 07 người. Trong khi trung bình của Hội cấp thoát nước là 06 người/1,000 đầu nổi.
- ♦ Việc phân phối tiền lương cho người lao động tại các tổ thi công đã có bước biến chuyển tích cực song mức thu nhập bình quân vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của toàn Công ty.
- ♦ Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô - Lục Nam sản xuất kinh doanh đã có bước chuyển biến nhưng công tác phát triển khách hàng vẫn còn chậm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	Tỷ lệ (%)
1	Tài sản ngắn hạn	116,338,065,049	107,593,343,315	92.48%
	Tiền và các khoản tương đương tiền	31,621,857,180	90,213,205,149	285.29%
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	49,342,086,898	3,923,079,256	7.95%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	28,986,951,782	7,128,112,931	24.59%
	Hàng tồn kho	6,097,367,786	5,957,318,965	97.70%
	Tài sản ngắn hạn khác	289,801,403	371,627,014	128.24%
2	Tài sản dài hạn	74,130,418,881	96,467,440,452	130.13%
	Tài sản cố định	72,516,254,171	92,179,714,942	127.12%
	Tài sản dở dang dài hạn	590,909,091	2,671,456,502	452.09%
	Tài sản dài hạn khác	1,023,255,619	1,616,269,008	157.95%
	Tổng tài sản	190,468,483,930	204,060,783,767	107.14%
3	Nợ phải trả	7,616,023,875	19,835,474,506	260.44%
	Nợ ngắn hạn	7,616,023,875	15,620,969,260	205.11%
	Nợ dài hạn	-	4,214,505,246	-
4	Vốn chủ sở hữu	182,852,460,055	184,225,309,261	100.75%

Tài sản: Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty biến động nhiều trong năm 2016 do công ty có chủ trương đầu tư vào tài sản cố định. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỉ trọng cao hơn trong cơ cấu của Tài sản

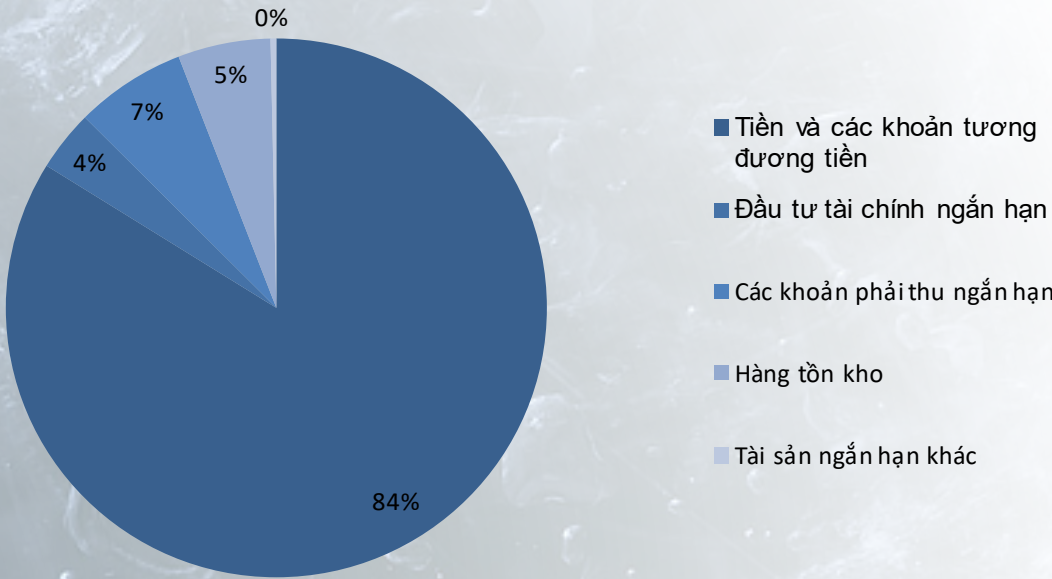
Tài sản ngắn hạn: Chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh trong khi đó Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn giảm làm cho chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn có sự thay đổi không đáng kể, giảm 7.52% so với năm 2015

Tài sản dài hạn: Có sự tăng mạnh, cụ thể tăng 30.13% so với năm 2015. Sự tăng chủ yếu đến từ tài sản cố định khi tăng hơn 27%

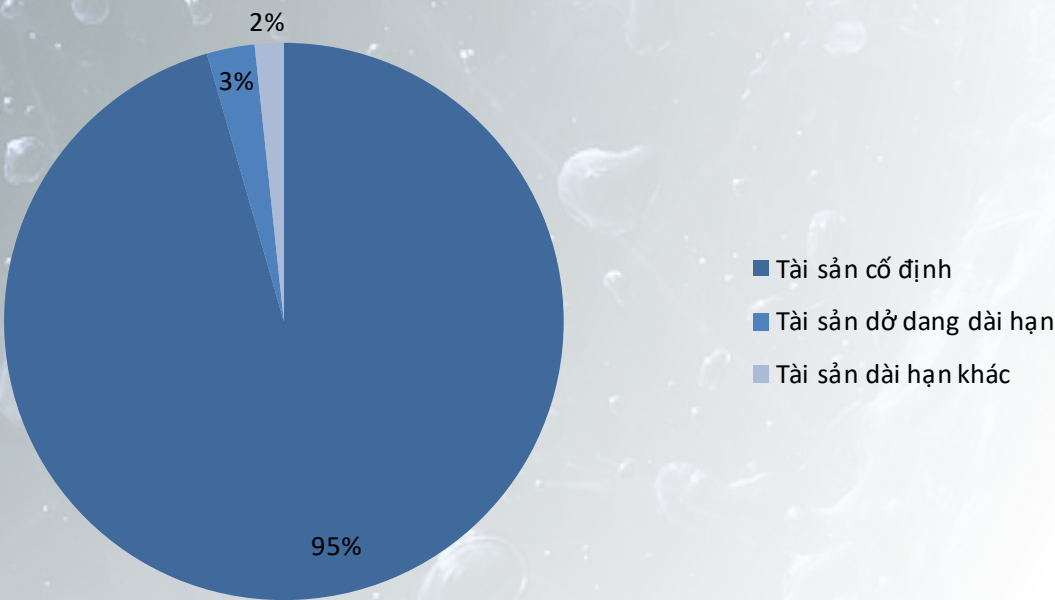
Nợ phải trả: Cơ cấu nợ của Công ty thay đổi nhiều trong năm 2016 khi giá trị các khoản nợ tăng mạnh hơn 160% so với năm 2015, trong đó các chỉ tiêu Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn đều tăng, Nợ ngắn hạn vẫn được sử dụng chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cần chú ý xem xét đến công tác trả nợ đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp.

Vốn chủ sở hữu: Trong năm 2016, Công ty không có đợt tăng vốn chủ sở hữu nào. Ngoài ra công ty cũng trích hơn 67 triệu đồng cho quỹ đầu tư phát triển.

TÀI SẢN NGẮN HẠN



TÀI SẢN DÀI HẠN



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2016, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong Công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty. Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý. Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ

Tài chính. Công ty bảo đảm môi trường, điều



kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những thiếu sót khuyết điểm. Quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.

Kế hoạch đặt ra:

Doanh thu : 110.5 tỷ đồng

- ♦ Doanh thu nước: 109.5 tỷ đồng
- ♦ Doanh thu xây lắp: 1 tỷ đồng

Nước thô: 13,719,000 m3

- ♦ Khu vực BG: 13,360,000 m3
- ♦ Khu vực LN: 359,000 m3

Nước thương phẩm: 11,319,000m3

- ♦ Khu vực BG: 11,024,000 m3
- ♦ Khu vực LN: 295,000 m3

Thất thoát:

- ♦ Khu vực BG: ≤ 17%
- ♦ Khu vực LN: ≤ 18%

Thu nhập bình quân: tăng 10% so với năm 2016

Công tác đầu tư xây dựng:

- ♦ Xây dựng tuyến ống nước thô D500 cấp nguồn bổ sung cho Nhà máy: Từ Trạm bơm I về Khu xử lý.
- ♦ Thi công tuyến ống vành đai nhà máy Đạm: Cấp nước cho một số xã sáp nhập vào thành phố.
- ♦ Xây dựng các tuyến ống cấp nước phân phối: Tuyến ống cấp nước D400 cấp nước cho khu Đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang, Khu vực xã Đình Trại và xã Song Mai.
- ♦ Đầu tư thay thế các tuyến ống cấp nước bằng thép tráng kẽm thay thế bằng ống HDPE.
- ♦ Nghiên cứu để áp dụng quản lý mạng cấp nước bằng SCADA, Gis....
- ♦ Lắp đặt bổ sung và phát triển khách hàng: Lắp mới 2,500 đầu nối.
- ♦ Cải tạo lắp đặt các bể lắng la men và hút bùn tại Nhà máy nước.

Công tác Dự án:

- ♦ Tiếp tục cải tạo nâng công suất Nhà máy theo từng giai đoạn, dự kiến năm 2017 nâng cấp từ 10,000 m3/mgđ - 15,000m3/ngđ

Công tác cổ phần hóa:

- ♦ Tiếp tục thoái vốn đảm bảo theo Quyết định 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở kế hoạch của năm 2016 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua là đúng thẩm quyền, đi vào thực chất và đạt hiệu quả cao. HĐQT đã xây dựng được một tập thể đoàn kết, từng cá nhân làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. Trong quan hệ với bộ máy điều hành và các tổ chức Đoàn thể chính trị-xã hội, HĐQT luôn tạo điều kiện và thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình.

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016	TH 2016/TH2015
Doanh thu thuần	73,732,888,024	79,000,000,000	88,291,910,554	111.76%	119.75%
Lợi nhuận sau thuế	2,411,272,314	3,200,000,000	3,804,212,947	118.88%	157.77%

Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ số
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	92.826
Tổng chi phí	Tỷ đồng	88.066
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.756
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.804
Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	5.740
Tỷ lệ chia cổ tức	%	1.36

Hoạt động sản sản kinh doanh:

- Năm 2016, HĐQT công ty đã phấn đấu thực hiện các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nhờ đó, Công ty đã đạt được kết quả SXKD đáng khích lệ, đạt và vượt các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.
- Cụ thể cả 2 nhà máy nước Bắc Giang và nhà máy nước Lục Nam đều hoàn thành và vượt chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được đưa ra từ đầu năm 2016

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT nhận định năm 2017 tình hình kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn, lĩnh vực kinh doanh của công ty chịu sức ép cạnh tranh ngày càng tăng, phần nào ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của công ty. Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2017 gồm các nội dung chính như sau:

- Chỉ đạo triển khai nghị quyết ĐH đồng cổ đông năm 2017; giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, kịp thời hỗ trợ, phối hợp ban điều hành công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty sao cho có hiệu quả cao nhất;
- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu Công ty.
- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong toàn Công ty, đặc biệt chú trọng đến công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, trong việc sử dụng sử dụng vốn và các nguồn lực khác.
- Tăng cường quan hệ với các cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới cổ đông một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.
- Xây dựng, trình phê duyệt phương án tiếp tục thoái vốn Nhà nước phù hợp với Quyết định 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2016, Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm tài chính 2016, nổi bật là:

- Hoạt động SXKD tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các công trình đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- Các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch. Các chỉ số tài chính tốt, Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.
- Chất lượng sản phẩm trong SXKD được khẳng định và nâng cao...



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát

Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần	
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân
1	Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	52,100	15,583,146
2	Trần Đăng Điều	Thành viên HĐQT/Phó giám đốc	38,900	0
3	Phạm Hùng	Thành viên HĐQT/Phó giám đốc	38,600	0
4	Lê Ngọc Duyên	Thành viên HĐQT	31,200	0
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	38,200	0

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Hội đồng quản trị có cử 1 thư ký để giúp hội đồng quản trị các công việc chuyên môn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 3 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra 3 biên bản trong năm 2016, giao Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	135/BB-HĐQT-NSBG	22/07/2016	Đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo đường dây 35KV, 22KV về trạm biến áp nước Tho và nước lọc.
2	141/BB-HĐQT-NSBG	2/8/2016	Đầu tư xây dựng tuyến ống nước Tho, cải tạo bể lắng Nhà máy nước Bắc Giang và Thay thế đồng hồ đo lưu lượng của mạng cấp nước.
3	196/BB-HĐQT-NSBG	5/10/2016	Triển khai kế hoạch xây lắp quý IV/2016; Tiến độ thi công- Chất lượng công trình, Bảng khoán đơn giá sử dụng máy đào thi công.

Thành viên hội đồng quản trị độc lập: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	19,100
Vũ Thị Thúy	Thành viên ban kiểm soát	15,000
Hoàng Thị Thảo	Thành viên ban kiểm soát	8,000

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- ♦ Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- ♦ Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ♦ Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
- ♦ Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2016 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty;
- ♦ Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc điều hành.

Kết quả làm việc của ban Kiểm Soát:

- ♦ Trong năm 2016 Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- ♦ Doanh thu thuần: 88,291,910,554 đồng, tăng 19.75% so với năm 2015 và vượt 11.76% so với kế hoạch đề ra.
- ♦ Giá trị sản xuất nước thô năm 2016 của cả 2 nhà máy đều vượt chỉ tiêu đã đề ra từ đầu năm.
- ♦ Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2016 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt.



LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ tên	Chức vụ	Thù lao trong năm
Hội Đồng Quản Trị		
Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	398,960,000
Trần Đăng Điều	Thành viên HĐQT/Phó giám đốc	325,483,000
Phạm Hùng	Thành viên HĐQT/Phó giám đốc	260,505,000
Lê Ngọc Duyên	Thành viên HĐQT	244,592,000
Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng	234,899,000
Ban Kiểm Soát		
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	187,659,000
Vũ Thị Thúy	Thành viên BKS	129,737,000
Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	127,029,000
Tổng cộng		1,908,864,000

ĐVT: Đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

CÁC NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2016

STT	Số BB/QĐ	Ngày	Nội dung
1	135/BB-HĐQT-NSBG	22/07/2016	Đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo đường dây 35KV, 22KV về trạm biến áp nước Thô và nước lọc.
2	141/BB-HĐQT-NSBG	2/8/2016	Đầu tư xây dựng tuyến ống nước Thô, cải tạo bể lắng Nhà máy nước Bắc Giang và Thay thế đồng hồ đo lưu lượng của mạng cấp nước.
3	196/BB-HĐQT-NSBG	5/10/2016	Triển khai kế hoạch xây lắp quý IV/2016; Tiến độ thi công - Chất lượng công trình, Bảng khoán đơn giá sử dụng máy đào thi công.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2016

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động... các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài Chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2016, bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty tiến hành lập Báo cáo Phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của bộ Tài Chính

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực nước sạch và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong Báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- ♦ Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- ♦ Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực nước sạch

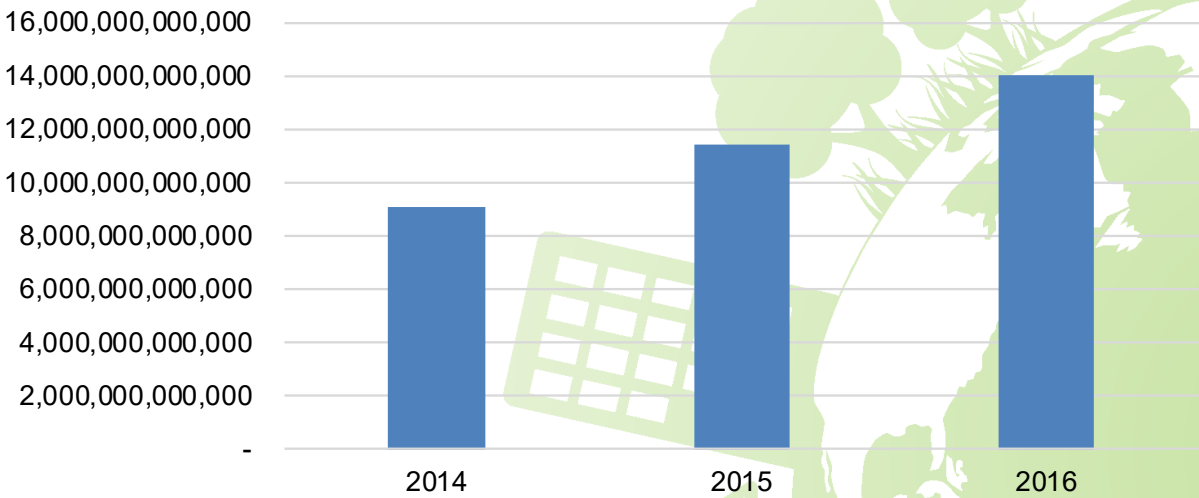
Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang
Địa chỉ: Số 386 đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: (84-240) 385 5757
Fax: (84-240) 355 4717
Email: capnuocbg@gmail.com

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năm	Số KW	Số Jun
2014	2,516,710	9,060,156,000,000
2015	3,161,853	11,382,670,800,000
2016	3,897,663	14,031,586,800,000
Tổng cộng	9,576,226	34,474,413,600,000

MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN QU A CÁC NĂM (ĐVT: JUN)



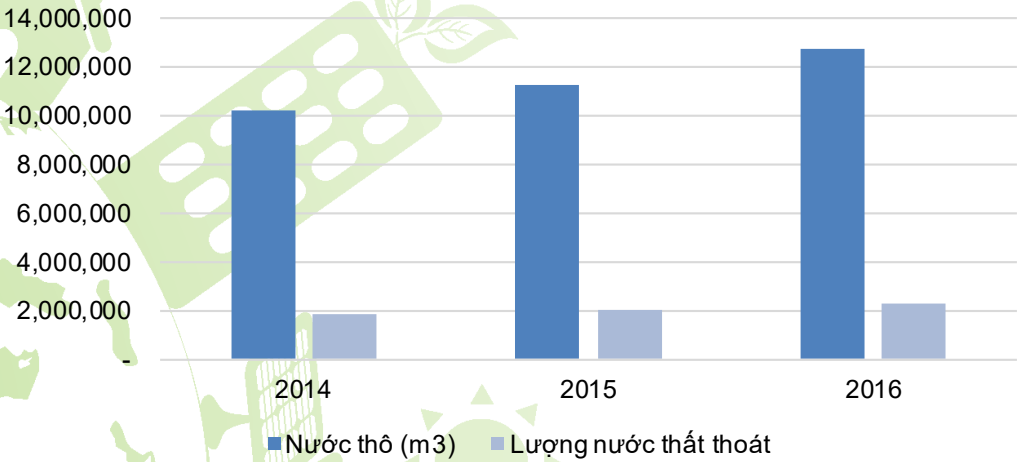
- ♦ Năm 2016, tổng số tiền điện công ty phải trả là 18,134,018,084 đồng.
- ♦ Do nhu cầu phát triển mở rộng quy mô công ty nên số lượng sử dụng điện của công ty tăng dần đều trong 2 năm trở lại đây.
- ♦ Cụ thể trung bình mức sử dụng điện tăng đều khoảng 24% mỗi năm.



TIÊU THỤ NƯỚC

Năm	Nước thô (m3)	Lượng nước thất thoát	Tỉ lệ thất thoát (%)
2014	10,203,171	1,858,776	18.22%
2015	11,273,784	2,073,224	18.39%
2016	12,760,639	2,320,069	18.19%
Tổng cộng	34,237,594	6,252,068	18.26%

MỨC TIÊU THỤ NƯỚC QUA CÁC NĂM (ĐVT: m3)



Lượng nước tiêu thụ tăng dần qua các năm, đến năm 2016 đã đạt mức 12,760,639 m3. Tỷ lệ thất thoát nước vẫn giữ mức ổn định, khoảng 18% mức nước tiêu thụ, có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2016.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
	Nam	159	59.55%
	Nữ	108	40.45%
2	Theo trình độ:		
	Trên đại học	4	1.50%
	Đại học	85	31.84%
	Cao đẳng	16	5.99%
	Trung cấp	70	26.22%
	Công nhân nghề	81	30.34%
	Phổ thông	11	4.12%
Tổng cộng		267	

Các chính sách về lao động của Công ty:

- ♦ Căn cứ vào chế độ về tiền lương do Nhà nước quy định.
- ♦ Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- ♦ Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước
- ♦ Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- ♦ Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- ♦ Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- ♦ Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty

Quán triệt chỉ thị 34/CT/TW ngày 07/4/2004 của Bộ chính trị về việc tiếp tục đổi mới đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, công tác thi đua khen thưởng đã đi vào nề nếp. Thường trực thi đua đã thường xuyên kiểm tra đôn đốc của các đơn vị, đề xuất khen thưởng đột xuất cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất đã có tác dụng động viên thi đua.

Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng. Kết hợp chặt chẽ thi đua với khen thưởng theo phương châm “Thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch”. Thực hiện nghiêm túc quy trình bình bầu, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bảo đảm đúng tiêu chuẩn, công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời. Kiên quyết khắc phục các biểu hiện phô trương, hình thức, bệnh thành tích. Chú trọng

khen thưởng các tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất được tôn vinh, khen thưởng, có tác dụng nêu gương và giáo dục.

Thông qua các phong trào thi đua phát hiện, xây dựng các điển hình tiên tiến; chú trọng thực hiện đồng bộ cả 4 khâu: Phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân điển hình tiên tiến, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong đổi mới phương thức tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua hiện nay.

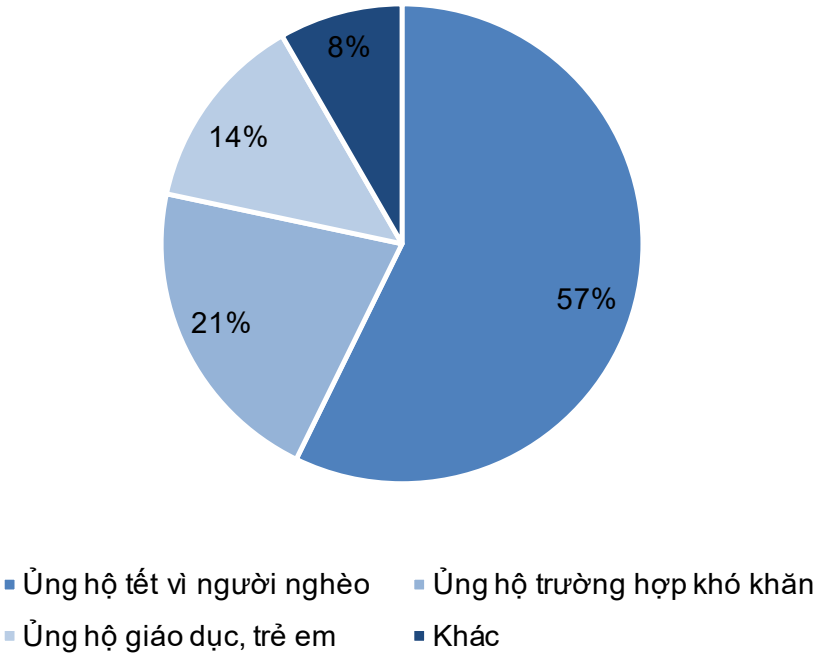
Công khai các thủ tục về công tác thi đua, khen thưởng, phù hợp với chủ trương chung, gắn với trách nhiệm của từng phòng chức năng và NLĐ. Công bố các hình thức khen thưởng cho NLĐ được biết và tiến hành tổ chức trao tặng theo nghi thức cấp trên quy định và tiết kiệm.

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

Song song với việc sản xuất - kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, đặc biệt trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

STT	Nội dung	Tổng cộng (đồng)
1	Ủng hộ tết vì người nghèo	120,000,000
2	Ủng hộ XD khu tưởng niệm chiến sỹ Gạc Ma	7,000,000
3	Quỹ phòng chống thiên tai 2016	10,000,000
4	Ủng hộ ngày người khuyết tật - Huyện Lục Nam	300,000
5	Quỹ vì người nghèo - Huyện Lục Nam	300,000
6	Quỹ đền ơn đáp nghĩa - Huyện Lục Nam	500,000
7	Quỹ đền ơn đáp nghĩa - P. Ngô Quyền	5,000,000
8	Ủng hộ XD quỹ nhân đạo tỉnh năm 2016	3,000,000
9	Ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em thành phố	3,000,000
10	Hỗ trợ CNVCLĐ vùng bị thiệt hại do thiên tai năm 2016	5,650,000
11	Ủng hộ trường Mầm non Tân An + Tân Dân - H. Yên Dũng	4,000,000
12	Công đức chùa Thành - Thọ Xương	500,000
13	Ủng hộ hoạt động hè năm 2016 - P.Trần Nguyên Hân	5,000,000
14	Hỗ trợ Tân Mai, P.Đa Mai	5,000,000
15	Nộp quỹ Quốc phòng An ninh 2016 - P.Trần Nguyên Hân	200,000
16	Nộp quỹ Quốc phòng An ninh 2016 - P.Ngô Quyền	200,000
17	Nộp quỹ An ninh liên hoàn P. Ngô Quyền	500,000
18	Ủng hộ P. Thọ Xương cắm trại hè, tết trung thu	1,000,000
19	Ủng hộ trường VHNT	15,000,000
20	Ủng hộ tháng cao điểm vì người nghèo	10,000,000
21	Ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt, khắc phục hậu quả năm 2016	10,000,000
22	Ủng hộ tổ dân phố số 7 - P. Ngô Quyền	3,000,000
23	Ủng hộ P. Thọ Xương ngày đại đoàn kết năm 2016	500,000
Tổng cộng		209,650,000

CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Phụ lục

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

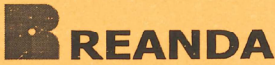


Mang tri thức phục vụ khách hàng

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 – 28
7. Phụ lục	29 - 30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại : 02403.855757
Fax : 02403.554717
Mã số thuế : 2400126106

3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên
Ông Phạm Hùng	Thành viên
Ông Lê Ngọc Duyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên

4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hướng Xuân Công	Giám đốc
Ông Trần Đăng Điều	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hướng Xuân Công – Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



HƯỚNG XUÂN CÔNG

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Số: 2181/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC,
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Vào ngày 31/12/2016, công ty không tổ chức cho chúng tôi tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đưa ra ý kiến của chúng tôi về số lượng hàng tồn kho (với giá trị là 5.957.318.965 đồng) để xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Ngọc Nga – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0351-2015-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.593.343.315	116.338.065.049
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		90.213.205.149	31.621.857.180
111	1. Tiền	V.1	2.370.896.579	2.314.895.600
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	87.842.308.570	29.306.961.580
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.923.079.256	49.342.086.898
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	3.923.079.256	49.342.086.898
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.128.112.931	28.986.951.782
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	1.264.541.669	1.002.653.523
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	5.212.731.140	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	650.840.122	27.984.298.259
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		5.957.318.965	6.097.367.786
141	1. Hàng tồn kho	V.7	5.957.318.965	6.097.367.786
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		371.627.014	289.801.403
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	289.801.403
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		371.627.014	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.467.440.452	74.130.418.881
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		92.179.714.942	72.516.254.171
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	92.149.447.693	72.459.645.922
222	- Nguyên giá		211.601.212.293	173.718.899.425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(119.451.764.600)	(101.259.253.503)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	30.267.249	56.608.249
228	- Nguyên giá		579.777.977	579.777.977
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.510.728)	(523.169.728)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.671.456.502	590.909.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	2.671.456.502	590.909.091
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.616.269.008	1.023.255.619
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.616.269.008	1.023.255.619
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.060.783.767	190.468.483.930

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.835.474.506	7.616.023.875
310	I. Nợ ngắn hạn		15.620.969.260	7.616.023.875
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	926.312.000	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.027.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	601.631.668	559.201.557
314	4. Phải trả người lao động	V.14	6.589.284.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	4.190.896.800	6.262.026.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	1.881.034.609	635.153.474
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	1.431.810.183	158.615.844
330	II. Nợ dài hạn		4.214.505.246	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18	4.214.505.246	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.225.309.261	182.852.460.055
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	184.225.309.261	182.852.460.055
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	181.494.460.205
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	181.494.460.205
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		67.899.993	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.662.949.063	1.357.999.850
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.662.949.063	1.357.999.850
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.060.783.767	190.468.483.930

Người lập biểu
Kế toán trưởng
Giám Đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
HUƠNG XUÂN CÔNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	88.295.769.002	40.267.012.002
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	3.858.448	1.855.244
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.291.910.554	40.265.156.758
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	50.415.766.696	26.215.280.167
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.876.143.858	14.049.876.591
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4.102.005.835	1.157.182.374
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	82.186.718	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	24.781.367.020	7.904.927.073
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	12.782.574.611	5.870.045.543
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.332.021.344	1.432.086.349
31	11. Thu nhập khác	VI.8	429.072.635	315.630.008
32	12. Chi phí khác	VI.9	4.662.236	6.690.909
40	13. Lợi nhuận khác		424.410.399	308.939.099
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.756.431.743	1.741.025.448
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		952.218.796	383.025.599
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.804.212.947	1.357.999.850
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	147	52
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	147	52

Người lập biểu
Kế toán trưởng
Giám Đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
HUƠNG XUÂN CÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015- 31/12/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		95.581.521.436	40.265.156.758
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(36.774.319.113)	(9.970.738.603)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.715.727.990)	(17.660.519.830)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(930.102.447)	(400.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.515.565.764	308.939.099
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.360.635.920)	(15.933.777.709)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.316.301.730	(3.390.940.285)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.398.183.273)	(729.530.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		139.545.454	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(75.576.360.852)	(46.697.556.672)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		116.918.347.829	23.638.339.618
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.102.005.835	1.157.182.374
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.185.354.993	(22.631.564.680)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	24.295.400.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.214.505.246	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(124.814.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.089.691.246	24.295.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		58.591.347.969	(1.727.104.965)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.621.857.180	33.348.962.145
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		90.213.205.149	31.621.857.180

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017
Giám Đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.
Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động chính của Công ty là:
- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 29 tháng 08 năm 2016, đơn vị đã thanh lý hệ thống sản xuất nước đóng chai vì vậy doanh thu của đơn vị của hoạt động này đã không còn.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
BCTC năm nay được trình bày từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 (12 tháng), còn kỳ trước là từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 (6 tháng), nên chỉ có tính chất tham khảo không mang tính chất so sánh.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 255 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá trị của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

16

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank. (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.720 VND.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.790 VND.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

17

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	496.182.186	483.070.314
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.874.714.393	1.831.825.286
Tổng cộng		2.370.896.579	2.314.895.600

1.2 Tiền gửi ngân hàng

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam	1.874.714.393	1.831.825.286
1.2.1	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	172.880.063	88.885.350
1.2.2	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	447.854.385	1.126.632.897
1.2.3	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	227.913.219	323.298.475
1.2.4	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	92.061.619	293.008.564
1.2.5	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	932.193.219	-
1.2.6	Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Bắc Giang	1.811.888	-
Tổng cộng		1.874.714.393	1.831.825.286

2. Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	29.682.873.800	13.799.310.089
2.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Techcombank	31.590.466.632	2.625.170.963
2.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	17.521.828.764	-
2.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	9.047.139.374	12.882.480.528
Tổng cộng		87.842.308.570	29.306.961.580

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	3.923.079.256	23.678.621.887
3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	-	17.087.053.900
3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietinbank	-	8.576.411.111
Tổng cộng		3.923.079.256	49.342.086.898

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.264.541.669	1.002.653.523
Công ty TNHH Tannan	329.500.000	-
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000
Trường Tiểu học Cao Xá	164.791.000	164.791.000
Các đối tượng khác	568.003.669	635.615.523
Cộng	1.264.541.669	1.002.653.523

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các đối tượng khác	5.212.731.140	-
Công ty Eptisa Servicios de Ingenieria, S.L (*)	2.318.244.140	-
Công ty CP Đầu Tư-Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (*)	1.800.000.000	-
Các đối tượng khác	1.094.487.000	-
Cộng	5.212.731.140	-

(*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện dự án nhà máy nước số 2.

6. Phải thu ngắn hạn khác

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1	Tạm ứng	521.300.000	714.264.520
6.2	Phải thu ngắn hạn khác	129.540.122	27.270.033.739
Tổng cộng		650.840.122	27.984.298.259

6.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho các bên liên quan	-	-
Tạm ứng cho các đối tượng khác	521.300.000	714.264.520
An Đình Thành	297.300.000	322.300.000
Vũ Trí Hải	100.000.000	-
Đối tượng khác	124.000.000	391.964.520
Cộng	521.300.000	714.264.520

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu đối tượng khác	129.540.122	27.270.033.739
Ban Quản lý dự án cải tạo 35000 m3	84.210.182	25.417.082.014
Ban QLDA xây dựng nhà máy nước số 02	-	1.839.868.310
Phải thu về thuế TNCN	45.329.940	13.083.415
Cộng	129.540.122	27.270.033.739

7. Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	5.957.318.965	-	5.859.430.206	-
7.2	Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
7.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	237.937.580	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		5.957.318.965	-	6.097.367.786	-

7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 01.

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
II. Giá trị hao mòn			
1. Giá trị hao mòn đầu năm	486.169.728	37.000.000	523.169.728
2. Tăng trong năm	14.341.000	12.000.000	26.341.000
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>14.341.000</i>	<i>12.000.000</i>	<i>26.341.000</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối năm	500.510.728	49.000.000	549.510.728
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	33.608.249	23.000.000	56.608.249
2. Tại ngày cuối năm	19.267.249	11.000.000	30.267.249

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	590.909.091	31.883.163.360	29.802.615.949	2.671.456.502
<i>Dự án nhà máy nước số 2</i>	<i>590.909.091</i>	<i>2.080.547.411</i>	-	<i>2.671.456.502</i>
<i>Dự án cải tạo công suất 25.000m3 lên 35.000m3</i>	-	<i>29.802.615.949</i>	<i>29.802.615.949</i>	-
Cộng	590.909.091	31.883.163.360	29.802.615.949	2.671.456.502

Hiện dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại vấn đề giải quyết các chi phí đã phát sinh với số tiền là 2.671.456.502 đồng cho dự án xây dựng nhà nước số 2 vẫn chưa có phương án thống nhất.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.616.269.008	1.023.255.619
Cộng	1.616.269.008	1.023.255.619

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán khác	926.312.000	-
Công ty CP Kiến trúc XD và đô thị Hà Nội	926.312.000	-
Cộng	926.312.000	-

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	-	-	414.783.097	786.410.111	-	371.627.014
Thuế TNDN	-	180.102.447	952.218.796	930.102.447	202.218.796	-
Thuế TNCN	-	12.828.835	56.776.600	24.275.495	45.329.940	-
Thuế tài nguyên	-	21.472.043	287.219.005	284.761.960	23.929.088	-
Phí nước thải SH	-	248.677.032	3.265.238.421	3.183.761.609	330.153.844	-
Phí môi trường rừng	-	96.121.200	417.751.760	513.872.960	-	-
Thuế khác	-	-	16.956.074	16.956.074	-	-
Cộng	-	559.201.557	5.410.943.752	5.740.140.656	601.631.668	371.627.014

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%. Thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.756.431.743	1.741.025.448
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.662.236	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.761.093.979	1.741.025.448
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	4.761.093.979	1.741.025.448
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	952.218.796	383.025.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	952.218.796	383.025.599
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	952.218.796	383.025.599

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.250 đồng/m³.

Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả	6.589.284.000	-
Cộng	6.589.284.000	-

15. Chi phí phải trả

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ (*)	3.944.207.500	-
Chi phí phải trả khác	246.689.300	6.262.026.000
Cộng	4.190.896.800	6.262.026.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngõ, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang nay là công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được Bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm trên TK 335 theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang.

16. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	1.881.034.609	635.153.474
Phạm Hữu Hồng	433.338.212	24.146.216
Nguyễn Ngọc Tuấn	462.876.070	462.876.070
Đối tượng khác	984.820.327	148.131.188
Tổng cộng	1.881.034.609	635.153.474

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết gồm:	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Số đầu năm	158.615.844	1.279.404.844
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.548.663.839	-
Tăng khác	-	-
Chi quỹ	(275.469.500)	(1.120.789.000)
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	1.431.810.183	158.615.844

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) *	4.214.505.246	-
Cộng	4.214.505.246	-

(*): Là khoản vay giữa công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) trong đó ký một hợp đồng vay phụ giữa Bộ tài chính và công ty CP Nước sạch Bắc Giang về việc sử dụng khoản vay số 3251 -VIE của ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) theo hợp đồng ngày 17/06/2016. Theo đó BTC đồng ý cho công ty CP Nước sạch Bắc Giang vay lại số tiền mười chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đô la Mỹ (19,884,000.00USD) trong đó đã giải ngân số tiền là 182,673.05 USD với mục đích xây dựng nhà máy nước số 2 tỉnh Bắc Giang.

Thời hạn vay tối đa là 25 năm. Lãi suất cho vay lại bằng lãi suất Libor đối với thời hạn 6 tháng cộng với mức chênh lệch là 0,5%/năm và phí liên hạn là 0,1%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm.

Phí cam kết bằng 0,15%/năm tính trên số tiền của khoản vay lại chưa giải ngân tùy theo từng thời kỳ.

Căn cứ vào HĐ vay giữa BTC và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) thì phí cho vay lại trong nước là 0,25%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay lại hoặc tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hợp đồng vay phụ này.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 số tiền nhận vay và phí là 4.214.505.246 đồng (tương đương 184,927.83 USD).

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(*) Nguồn vốn chủ sở hữu

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	85,86%	155.831.460.205	155.831.460.205
Hướng Xuân Công	0,29%	521.000.000	521.000.000
Trần Đăng Điều	0,21%	389.000.000	389.000.000
Phạm Hùng	0,21%	386.000.000	386.000.000
Đối tượng khác	13,43%	24.367.000.000	24.367.000.000
Cộng	100%	181.494.460.205	181.494.460.205

19c. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang	82.407.395.028	37.800.546.275
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	1.561.336.237	632.924.993
Doanh thu xây lắp	4.327.037.737	1.727.742.007
Doanh thu bán nước uống tinh khiết		105.798.727
Cộng	88.295.769.002	40.267.012.002

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Giảm giá hàng bán	3.858.448	1.855.244
Cộng	3.858.448	1.855.244
3. Giá vốn hàng bán	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang	42.918.771.461	24.157.914.790
Giá vốn bán nước xí nghiệp cấp nước Lục Nam	2.726.356.913	732.366.043
Giá vốn xây lắp	4.770.638.322	1.219.200.607
Giá vốn nước lọc	-	105.798.727
Cộng	50.415.766.696	26.215.280.167
4. Doanh thu hoạt động tài chính	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.102.005.835	1.157.182.374
Cộng	4.102.005.835	1.157.182.374
5. Chi phí tài chính	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	82.186.718	-
Cộng	82.186.718	-
6. Chi phí bán hàng	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Chi phí nhân viên	15.840.521.453	6.509.074.100
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.566.800	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.518.882.287	535.456.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.770.000	834.215.345
Chi phí bằng tiền khác	237.626.480	26.181.582
Cộng	24.781.367.020	7.904.927.073
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi tiết gồm:		
Chi phí nhân viên	7.844.957.155	4.099.674.299
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.319.191	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	746.186.105	155.446.296
Thuế, phí, lệ phí	717.264.603	332.177.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.627.523	724.941.195
Chi phí bằng tiền khác	1.659.220.034	557.805.851
Cộng	12.782.574.611	5.870.045.543

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác		
Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ	139.545.454	-
Thu 7% (phí TN được giữ lại)	245.770.634	118.838.583
Thu nhập khác	43.756.547	196.791.425
Cộng	429.072.635	315.630.008

9. Chi phí khác		
Chi tiết gồm	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi phí khác	4.662.236	6.690.909
Cộng	4.662.236	6.690.909

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Chỉ tiêu	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.804.212.947	1.357.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.141.263.884)	(407.399.955)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.662.949.063	950.599.895
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	18.149.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	147	52

(*) Công ty chưa đại hội cổ đông, Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính theo tỷ lệ năm 2015. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 07 năm 2015	-	18.149.446
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.149.446	18.149.446

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.662.949.063	950.599.895
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Cộng	2.662.949.063	950.599.895
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.662.949.063	950.599.895
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	147	52

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.149.446	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	18.149.446
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Tiền thu từ đi vay		
Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.214.505.246	-
Cộng	4.214.505.246	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Chi tiết gồm:	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Lương	909.932.000	376.692.170
Thưởng, phụ cấp	68.712.000	40.660.000
Cổ tức	6.304.000	-
Cộng	984.948.000	417.352.170

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.

Khu vực địa lý.

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Kế toán trưởng



HƯƠNG XUÂN CÔNG
Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	33.848.555.698	38.109.062.938	101.721.042.789	40.238.000	173.718.899.425
2. Tăng trong năm	29.802.615.949	1.005.000.000	7.754.896.919	-	38.562.512.868
- Tăng do mua mới	-	1.005.000.000	7.754.896.919	-	8.759.896.919
- Tăng do XDCB hoàn thành	29.802.615.949	-			29.802.615.949
3. Giảm trong năm	-	146.666.667	533.533.333	-	680.200.000
- Thanh lý, nhượng bán		146.666.667	533.533.333		680.200.000
4. Số dư cuối năm	63.651.171.647	38.967.396.271	108.942.406.375	40.238.000	211.601.212.293
II. Giá trị hao mòn					
1. Giá trị hao mòn đầu năm	20.608.498.425	20.787.434.165	59.823.082.913	40.238.000	101.259.253.503
2. Tăng trong năm	6.144.255.910	4.212.555.555	10.488.003.382	-	20.844.814.847
Khấu hao trong năm	6.144.255.910	4.212.555.555	10.488.003.382		20.844.814.847
3. Giảm trong năm	1.972.103.750	146.666.667	533.533.333	-	2.652.303.750
- Thanh lý, nhượng bán	-	146.666.667	533.533.333	-	680.200.000
- Khác	1.972.103.750	-		-	1.972.103.750
4. Giá trị hao mòn cuối năm	24.780.650.585	24.853.323.053	69.777.552.962	40.238.000	119.451.764.600
III. Giá trị còn lại					-
1. Tại ngày đầu năm	13.240.057.273	17.321.628.773	41.897.959.876	-	72.459.645.922
2. Tại ngày cuối năm	38.870.521.062	14.114.073.218	39.164.853.413	-	92.149.447.693

- Trong đó nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.030.047.688 đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HUÔNG XUÂN CÔNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

29

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/07/2015	142.853.886.317	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	157.692.840.617
Tăng trong kỳ trước	39.134.354.300	-	-	-	1.357.999.850	16.196.954.150
+ Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.357.999.850	1.357.999.850
+ Tăng do đánh giá lại	11.207.096.867	-	-	-	-	11.207.096.867
+ Tăng do chuyển quỹ	2.981.857.433	-	-	-	-	2.981.857.433
+ Tăng khác	650.000.000	-	-	-	-	650.000.000
+ Tăng do mua cổ phần	24.295.400.000	-	-	-	-	24.295.400.000
Giảm trong kỳ trước	(493.780.412)	(2.981.857.433)	(11.207.096.867)	(650.000.000)	-	(15.332.734.712)
Giảm khác (*)	(493.780.412)	(2.981.857.433)	(11.207.096.867)	(650.000.000)	-	(15.332.734.712)
Số dư tại ngày 31/12/2015	181.494.460.205	-	-	-	1.357.999.850	182.852.460.055
Số dư tại ngày 01/01/2016	181.494.460.205	-	-	-	1.357.999.850	182.852.460.055
Tăng trong năm nay	-	67.899.993	-	-	3.804.212.947	3.872.112.940
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.804.212.947	3.804.212.947
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	67.899.993	-	-	-	67.899.993
Giảm trong năm nay	(1.141.263.884)	-	-	-	(1.357.999.850)	(2.499.263.734)
+ Trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(882.699.902)	(882.699.902)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(67.899.993)	(67.899.993)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.141.263.884)	-	-	-	(407.399.955)	(1.548.663.839)
Số dư tại ngày 31/12/2016	180.353.196.321	67.899.993	-	-	3.804.212.947	184.225.309.261

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



HƯƠNG XUÂN CÔNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính